| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẠC SƠN**<br>**TỈNH HOÀ BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày: 21-01-2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lê Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Bùi Văn Ơn;

Ông Bùi Văn Quyết.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Ông Bùi Văn Hường- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà***: Ông Khuất Duy Xuân Quý- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 21/01/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1**. Bùi Văn Q, sinh ngày 10/05/1994 tại xã H, huyện L, tỉnh H. Nơi cư trú: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh H. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) 08/12; dân tộc: Mường; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q, sinh năm: 1966 và bà Bùi Thị V, sinh năm 1967 vợ là Vì Thị C, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/08/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ – Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

**2**. Bùi Văn N, sinh ngày 23/08/1995 tại xã H, huyện L, tỉnh H. Nơi cư trú: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh H. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H, sinh năm: 1962 và bà Trần Thị L, sinh năm 1964 vợ là Bùi Thị Y, sinh năm 1995; chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/08/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ – Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Bị hại*:

+ Bùi Văn S, sinh năm 1987. Nơi cư trú: xóm B, xã Đ, huyện L, tỉnh Hh. Có mặt;

+ Quách Văn N, sinh năm 1982. Nơi cư trú: xóm B, xã H, huyện L, tỉnh H. Có mặt;

+ Bùi Ngọc C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: xóm C, xã i, huyện T, tỉnh HVắng mặt;

+ Bùi Xuân T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Bùi Văn Pháp, sinh năm 1976. Nơi cư trú: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh H. Có mặt;

+ Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh H. Vắng mặt;

+ Bùi Văn P, sinh năm 1987. Nơi cư trú: xóm B, xã C, huyện L, tỉnh H. Có mặt;

+ Nguyễn Đỗ H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh H. Vắng mặt;

- *Người làm chứng*:

+ Lưu Công L. Có mặt;

+ Bùi Văn T. Vắng mặt;

- *Người chứng kiến*: Bùi Văn T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: xóm M Bùi, xã V, huyện L, tỉnh H. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn Q là người nghiện chất ma túy, nên để có tiền mua ma túy sử dụng cho bản thân, trong khoảng thời gian từ ngày 31/07/2020 đến 24/08/2020 Q đã một mình thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Ngoài ra, Q cùng với Bùi Văn N thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể như sau :

Vụ thứ nhất:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 31/07/2020, Q đi bộ một mình tại khu vực thị trấn V, huyện L, tỉnh H với mục đích tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi Q đến cửa hàng bán đồ nội thất của ông Lưu Công L tại phố H, thị trấn V, huyện L, tỉnh H thì phát hiện phía trước cửa hàng có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, mầu sơn đen – xám – vàng, biển kiểm soát 28N1 – 220.83, chìa khóa xe cắm tại ổ khóa điện là tài sản của anh Bùi Văn S, sinh

năm 1987. Trú tại: xóm B, xã Đ, huyện L, tỉnh Hh. Quan sát xung quanh thấy không có người trông coi quản lý, Q nổ máy xe và điều khiển đi về hướng xã Y, huyện L, tỉnh H. Trên đường tẩu thoát, Q tháo biển kiểm soát cất dấu ven đường. Sau đó, Q mang xe mô tô đến bán cho anh Bùi Văn P tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh H lấy số tiền 1.500.000. Tài sản đã được thu hồi và trao trả cho chủ sở hữu.

Tại kết luận định giá tài sản số 28/HĐ-HĐĐG ngày 04/09/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình kết luận: *''xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, mầu sơn đen – xám – vàng, biển kiểm soát 28N1 – 220.83, tình trạng đã qua sử dụng trị giá 10.666.666 đồng''.*

Vụ thứ 02 :

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 10/08/2020, Q đi bộ một mình tại khu vực xóm C, xã H, huyện L, tỉnh H với mục đích tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi qua nhà anh Bùi Văn T, sinh năm 1971 thì phát hiện tại gầm nhà sàn của anh Tcó dựng 01 xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 093.08 của anh Quách Văn N, sinh năm 1982, trú tại: xóm B, xã H, huyện L, tỉnh H. Quan sát thấy không có người trông coi, quản lý Q liền nảy sinh ý định cậy cốp xe để trộm cắp tài sản. Q dùng tay cậy móc vào bên trong cốp xe lấy trộm 01 chiếc ví da mầu nâu bên trong có số tiền 2.510.000 đồng (gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 08 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng); 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 093.08. Tất cả các giất tờ nêu trên đều mang tên Quách Văn N. Sau khi trộm cắp được tài sản, Q lấy toàn bộ số tiền 2.510.000 đồng, còn số giấy tờ Q đem cầm cố cho một người đàn ông mà Q không rõ lai lịch cụ thể tại khu vực xóm Vành, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình lấy số tiền 400.000 đồng. Do nghi ngờ Q đã lấy tài sản của mình nên anh Nhiền đã tìm gặp Q. Q thừa nhận mình đã trộm cắp tài sản trên và hẹn sẽ bồi thường cho anh N. Ngày 13/08/2020, Q nhận từ anh Nhiền số tiền 500.000 đồng để chuộc giấy tờ về trả lại cho anh N.

Ngày 25/08/2020, Q đến Cơ quan công an đầu thú và khai nhận về hành vi mình đã trộm cắp tài sản của anh N.

Tại kết luận định giá tài sản số 30/HĐ-HĐĐG ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình kết luận: *"01 ví da mầu nâu, kích thước (9,5 x 11,5)cm, tình trạng đã qua sử dụng trị giá 0 đồng''.*

Vụ thứ 03:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 22/08/2020, Q gọi điện cho Bùi Văn N rủ N đi tìm kiếm tài sản sở hở để trộm cắp và N đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, không rõ biển kiểm soát, mượn của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, trú tại: phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh H (chiếc xe hiện nay đã được anh Tùng bán cho một người không rõ lai lịch cụ thể), đến đón Q. Cả hai điều khiển xe mô tô đi đến khu vực xóm V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tại

đây, cả hai phát hiện trước cửa hàng cơ khí HN có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, mầu sơn trắng – đen, biển kiểm soát 28E1 – 119.14, chìa khóa xe đang cắm tại ổ khóa điện, là tài sản của anh Bùi Ngọc C, sinh năm 1986, trú tại: xóm C, xã i, huyện T, tỉnh H. Quan sát không thấy có người trông coi, quản lý, Q bảo N dừng xe cách vị trí chiếc xe khoảng 50 mét. Q đi bộ lại gần, nổ máy và điều khiển xe mang đến cửa hàng sửa chữa xe của anh Bùi Văn P, sinh năm 1987, tại xóm B, xã C, huyện L, tỉnh H nhờ anh P tháo rời phần khung, vỏ xe và động cơ ra. Phần khung xe và vỏ xe Q bán cho anh P với giá 750.000 đồng và chia cho N số tiền 200.000 đồng. Phần máy xe Q bán cho anh Nguyễn Văn T với giá 1.500.000 đồng và chia cho N số tiền 500.000 đồng. Tài sản đã được thu hồi và trao trả cho chủ sở hữu.

Tại kết luận định giá tài sản số 27/HĐ-HĐĐG ngày 31/08/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình kết luận: *''xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Honda, số loại Blade, mầu sơn trắng – đen, biển kiểm soát 28E1-119.14, tình trạng đã qua sử dụng trị giá 8.833.333 đồng''.*

Vụ thứ 04 :

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/08/2020, Q gọi điện thoại rủ N đi tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp, N đồng ý. Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 060.63 (là xe mô tô mượn của anh Nguyễn Văn T) đến khu vực cầu C, xã H gặp Q. Sau đó, N chở Q đi đến khu vực xóm M, xã V, huyện L. Tại đây, cả hai phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, mầu sơn trắng – đen, biển kiểm soát 28N1 – 018.55 của anh Bùi Xuân T, sinh năm 1989, trú tại: xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh H đang dựng tại lề đường trước xưởng may M T, chìa khóa xe vẫn cắm tại ổ khóa điện. Quan sát thấy không có người trông coi, quản lý, Q đi bộ đến gần xe mô tô, nổ máy xe và điều khiển xe tẩu thoát. Trên đường đi tiêu thụ tài sản, Q kiểm tra trong cốp xe thấy có 01 đăng ký xe mô tô; 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô tất cả đều mang tên Bùi Xuân T. Q giữ lại đăng ký xe mô tô, các giấy tờ còn lại Q vứt tại lề đường. Sau đó, Q mang xe mô tô kèm giấy chứng nhận đăng ký xe đến bán tại cửa hàng sửa chữa xe mô tô của anh Nguyễn Đỗ H, sinh năm 1983, tại Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh H được số tiền 4.500.000 đồng và chia cho N số tiền 500.000 đồng. Tài sản đã được thu hồi và trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại kết luận định giá tài sản số 29/HĐ-HĐĐG ngày 04/09/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình kết luận: *''xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại sirius, mầu sơn trắng – đen, biển kiểm soát 28N1 – 018.55, tình trạng đã qua sử dụng trị giá 8.166.666 đồng''.*

Toàn bộ số tiền có được từ việc bán tài sản trong 04 vụ trộm cắp nêu trên, Q và N dùng vào việc mua ma túy sử dụng cho bản thân và chi tiêu cá nhân hết.

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, Bùi Văn Q và Bùi Văn N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với vật chứng thu giữ, tài liệu thu thập được.

Theo Bản cáo trạng số: 60/CT-VKS ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn đã quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn Q và Bùi Văn N về tội: "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Thực hành quyền công tố tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Bùi Văn Q từ 24 đến 30 tháng tù; xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 12 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về vật chứng gồm:*

- 01 động cơ xe mô tô nhãn hiệu Honda, số máy TA36A – 0269253, tình trạng đã qua sử dụng và 01 bộ vỏ xe – khung xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, mầu sơn trắng – đen, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, tình trạng đã qua sử dụng, kèm theo 01 chìa khóa xe mô tô. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lạc Sơn đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Bùi Ngọc C;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, mầu sơn đen – xám – vàng, không có biển kiểm soát, tình trạng đã qua sử dụng, 01 chìa khóa xe mô tô; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại sirius, mầu sơn trắng – đen, biển kiểm soát 28N1 – 018.55, 01 chìa khóa xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Xuân T ; 01 ví da mầu nâu, tình trạng đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lạc Sơn đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Bùi Văn Sướng, anh Bùi Xuân T và anh Bùi Văn N.

Việc xử lý vật chứng như trên phù hợp theo qui định tại khoản 2 Điều 47 bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy, đề nghị HĐXX công nhận và không xem xét giải quyết trong vụ án.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, mầu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 28N1 – 060.63, tình trạng đã qua sử dụng, kèm theo 01 chìa khóa xe mô tô thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn T. Xét thấy, anh Tùng cho Bùi Văn N mượn xe nhưng không biết mục đích N dùng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe trên cho anh Tùng là phù hợp khoản 2 Điều 47 bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với biển kiểm soát xe mô tô số 28N1 – 220.83 và số 28E1 – 119.14, quá trình điều tra chưa thu giữ được. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công

an huyện Lạc Sơn đã ra thông báo truy tìm vật chứng, do vậy đề nghị HĐXX không đề cập xem xét trong vụ án.

*Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587; 589 của bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị HĐXX chấp nhận những vấn đề sau:

Anh Bùi Ngọc C, anh Bùi Xuân T là những người bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản; anh Bùi Văn Phụng là người đã mua lại phần vỏ xe và khung xe mô tô biển kiểm soát 28E1 – 119.14 đều không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết;

Bùi Văn Q có trách nhiệm hoàn trả cho anh Bùi Văn Nhiền số tiền 3.010.000 đồng (bao gồm số tiền 2.510.000 đồng đã chiếm đoạt và số tiền 500.000 đồng anh Nhiền dùng để chuộc lại giấy tờ); hoàn trả cho anh Bùi Văn P số tiền 1.500.000 đồng trong việc bán xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 220.83; Bồi thường cho anh Bùi Văn Ssố tiền 1.600.000đ là tiền anh S phải sửa chữa và làm lại đăng ký xe do bị cáo gây thiệt hại.

Bùi Văn Q và Bùi Văn N có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Nguyễn Đỗ H số tiền 4.500.000 đồng trong việc bán xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 018.55, cụ thể: Bùi Văn Q có trách nhiệm hoàn trả cho anh H số tiền 4.000.000 đồng, Bùi Văn N có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hoàn số tiền 500.000 đồng; hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000 đồng trong việc bán phần máy của xe mô tô biển kiểm soát 28E1 – 119.14, cụ thể : Bùi Văn Q có trách nhiệm hoàn trả cho anh T số tiền 1.000.000 đồng, Bùi Văn N có trách nhiệm hoàn trả cho anh T số tiền 500.000 đồng.

Đối với anh Bùi Văn P, anh Bùi Văn P, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Đỗ H là những người đã mua tài sản trộm cắp của các bị cáo tuy nhiên do không biết tài sản do trộm cắp mà có nên đề nghị HĐXX không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T là người đã cho Bùi Văn N mượn xe mô tô, do anh Tùng không biết mục đích N dùng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đề nghị HĐXX không đề cập xử lý.

Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo không có lời bào chữa.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Lời khai nhận của bị cáo Bùi Văn Q và Bùi Văn N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; người chứng kiến; các vật chứng đã thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Ngày 31/07/2020, tại phố Hữu Nghị, thị trấn V, huyện L, tỉnh H và ngày 10/08/2020 tại xóm C, xã H, huyện L, tỉnh H, Bùi Văn Q đã có hành vi lợi dụng sự sơ sở của chủ sở hữu tài sản lén lút thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản có tổng trị là 13.176.666 đồng. Ngoài ra, Bùi Văn Q còn cùng với Bùi Văn N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 22/08/2020 tại xóm Vó Trên, xã Nhân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình và ngày 24/08/2020 tại xóm Mận Bùi, xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, tổng trị giá tài sản là 16.999.999 đồng. Toàn bộ số tiền có được từ việc bán tài sản trong 04 vụ trộm cắp nêu trên, Q và N dùng vào việc mua ma túy sử dụng cho bản thân và chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, Bùi Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản với trị giá tài sản trộm cắp là 30.176.665 đồng, Bùi Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản với trị giá tài sản trộm cắp là 16.999.999 đồng.

Đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn. Mặc dù các bị cáo có bàn bạc rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, không phải là phạm tội có tổ chức, không có sự cấu kết chặt chẽ của những người cùng tham gia thực hiện tội phạm, trong đó bị cáo Q giữ vai trò là người khởi xướng, người thực hành, cũng là người trực tiếp mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ; bị cáo N giữ vai trò là người giúp sức. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, thấy trước được hậu quả có thể xảy ra nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên vẫn cố tình thực hiện- lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

*Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

*Về tình tiết giảm nhẹ*: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số; có trình độ văn hóa thấp. Bị cáo Bùi Văn Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ người phạm tội đầu thú. Đây là các tình tiết được qui định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần được xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo trong quá trình lượng hình.

[5] *Về hình phạt chính*: Căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; Căn cứ tiền án, tiền sự, nhân thân bị cáo; Căn cứ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo HĐXX xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiệm khắc cách ly xã hội một thời gian đối với các bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có điều kiện kinh tế khó khăn, nghề nghiệp không ổn định. HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587; 589 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 HĐXX xét thấy:

Anh Bùi Ngọc C, anh Bùi Xuân T là những bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản, anh Bùi Văn Phụng là người đã mua lại phần vỏ xe và khung xe mô tô biển kiểm soát 28E1 – 119.14 đều không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo nên HĐXX không đề cập xem xét;

Bùi Văn Q nhận trách nhiệm hoàn trả cho anh Bùi Văn N số tiền 3.010.000 đồng (bao gồm số tiền 2.510.000 đồng đã chiếm đoạt và số tiền 500.000 đồng anh N dùng để chuộc lại giấy tờ); hoàn trả cho anh Bùi Văn P số tiền 1.500.000 đồng trong việc bán xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 220.83; Bồi thường cho anh Bùi Văn S số tiền 1.600.000đ là tiền anh S phải sửa chữa và làm lại đăng ký xe do bị cáo gây thiệt hại.

Bùi Văn Q và Bùi Văn N nhận trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Nguyễn Đỗ H số tiền 4.500.000 đồng trong việc bán xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 018.55, cụ thể: Bùi Văn Q có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hoàn số tiền 4.000.000 đồng, Bùi Văn N có trách nhiệm hoàn trả cho anh Hoàn số tiền 500.000 đồng; hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000 đồng trong việc bán phần máy của xe mô tô biển kiểm soát 28E1 – 119.14, cụ thể: Bùi Văn Q có trách nhiệm hoàn trả cho anh Tùng số tiền 1.000.000 đồng, Bùi Văn N có trách nhiệm hoàn trả cho anh Tùng số tiền 500.000 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các bị cáo với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như trên là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[8] *Về vật chứng của vụ án*: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn đã trả lại những tài sản sau cho chủ sở hữu hợp pháp:

- Trả cho anh Bùi Văn S 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, mầu sơn đen – xám – vàng, không có biển kiểm soát, tình trạng đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe mô tô;

- Trả cho anh Bùi Văn N 01 ví da mầu nâu, tình trạng đã qua sử dụng;

- Trả cho anh Bùi Ngọc C 01 động cơ xe mô tô nhãn hiệu Honda, số máy TA36A – 0269253, tình trạng đã qua sử dụng và 01 bộ vỏ xe – khung xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, mầu sơn trắng – đen, không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, tình trạng đã qua sử dụng, kèm theo 01 chìa khóa xe mô tô;

- Trả cho anh Bùi Xuân T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại sirius, mầu sơn trắng – đen, biển kiểm soát 28N1 – 018.55; 01 chìa khóa xe mô tô; 01 đăng ký xe mô tô.

Việc xử lý vật chứng như trên phù hợp theo qui định tại khoản 2 Điều 47 bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự do vậy HĐXX công nhận và không xem xét giải quyết trong vụ án.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, mầu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 28N1 – 060.63, tình trạng đã qua sử dụng, kèm theo 01 chìa khóa xe mô tô thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn T. Xét thấy, anh Tùng cho Bùi Văn N mượn xe nhưng không biết mục đích N dùng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần trả lại chiếc xe trên cho anh Tùng là phù hợp khoản 2 Điều 47 bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với biển kiểm soát xe mô tô số 28N1 – 220.83 và số 28E1 – 119.14, quá trình điều tra chưa thu giữ được. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Lạc Sơn đã ra thông báo truy tìm vật chứng, do vậy HĐXX không đề cập xem xét trong vụ án.

Đối với anh Bùi Văn P, anh Bùi Văn P, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Đỗ H là những người đã mua tài sản trộm cắp của các bị cáo tuy nhiên do không biết tài sản do trộm cắp mà có nên HĐXX không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T là người đã cho Bùi Văn N mượn xe mô tô, do anh Tùng không biết mục đích N dùng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên HĐXX không đề cập xử lý.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định các 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**1**. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Q, Bùi Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/08/2020 (Ngày bị cáo bị tạm giữ).

Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/08/2020 (Ngày bị cáo bị tạm giữ).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Bùi Văn Q và Bùi Văn N mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm thi hành án.

**2**. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587; 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bị cáo với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về những vấn đề sau:

Bùi Văn Q có trách nhiệm hoàn trả cho anh Bùi Văn N số tiền 3.010.000 đồng (bao gồm số tiền 2.510.000 đồng đã chiếm đoạt và số tiền 500.000 đồng anh N dùng để chuộc lại giấy tờ); hoàn trả cho anh Bùi Văn P số tiền 1.500.000 đồng là tiền bán xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 220.83; Bồi thường cho anh Bùi Văn S số tiền 1.600.000đ là tiền anh S phải sửa chữa và làm lại đăng ký xe do bị cáo gây thiệt hại.

Bùi Văn Q và Bùi Văn N có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho anh Nguyễn Đỗ H số tiền 4.500.000 đồng là tiền bán xe mô tô biển kiểm soát 28N1 – 018.55, cụ thể: bị cáo Q có trách nhiệm hoàn trả cho anh H số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo N có trách nhiệm hoàn trả cho anh H số tiền 500.000 đồng; hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000 đồng là tiền bán phần máy của xe mô tô biển kiểm soát 28E1 – 119.14, cụ thể: bị cáo Q có trách nhiệm hoàn trả

cho anh số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo N có trách nhiệm hoàn trả cho anh T số tiền 500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**3**. *Về vật chứng:* Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho anh Nguyễn Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, mầu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 28N1 – 060.63, tình trạng đã qua sử dụng, kèm theo 01 chìa khóa xe mô tô.

*(Vật chứng nêu trên hiện được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn theo đúng mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho ngày 03/12/2020).*

**4.** Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Q phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 555.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai tại nơi cư trú của họ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Hương Nhượng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng**

***b. Đối với các tài sản khác*: Trường hợp người phạm tội chiếm đoạt tài sản rồi bán tài sản đó, thì số tiền thu được do bán tài sản không bị tịch thu mà được trừ vào khoản phải bồi thường; nếu thiếu thì phải bồi thường thêm cho đủ, nếu còn thừa thì áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền thừa đó.**

– Đối với vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có thì được xử lý bằng biện pháp tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có là những tiền bạc, tài sản người phạm tội có được do thực hiện hành vi phạm tội **mà không phải là do chiếm đoạt được của người khác**. Ví dụ, tiền bạc, tài sản người phạm tội có được do buôn lậu, mua bán ma túy, kinh doanh trái phép, mua bán hàng giả… Bên cạnh đó, tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có còn là tiền bạc, tài sản mà người phạm tội có được do chiếm đoạt tiền bạc, tài sản của người khác rồi sau đó dùng đầu tư vào lĩnh vực nào đó và có lợi nhuận.

Ví dụ, một người chiếm đoạt tài sản là tiền rồi dùng tiền đó mua vé xổ số và trúng thưởng thì số tiền trúng thưởng xổ số đó cũng được xem là tiền bạc, tài sản do phạm tội mà có và sẽ bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

---

2. Đối với công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội hoặc **tiền** thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc **sử dụng trái phép**, thì không tịch thu mà được trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (khoản 2 Điều 47 BLHS 2015). Trừ trường hợp cá nhân, tổ chức nêu trên có lỗi trong việc để người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm thì **có thể** bị tịch thu sung ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy (khoản 3 Điều 47 BLHS 2015).

---

khoản 3 Điều 47 BLHS 2015): Điều luật quy định "...có thể bị tịch thu" tức là cho phép Tòa án quyết định việc tịch thu hay không tịch thu. Trong trường hợp này, Tòa án cần xác định rõ lỗi của người có vật, tiền để người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, ví dụ như sự thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng và bảo vệ tài sản của mình để người phạm tội sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm thì ngoài việc có thể bị tịch thu tiền, vật, hành vi của chủ sở hữu tài sản còn có thể xem xét để xác định vai trò đồng phạm – giúp sức về vật chất.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN.** **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Văn Thiệu** **Bùi Văn Ơn** **Lê Thị Hồng**

*của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**TÒA ÁN[1].....**

Bản án số:...../.....[2]/HS-ST
Ngày.....-.....-..... [3]

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN**.....[4]

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***[5]
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông (Bà).....
*Thẩm phán:* Ông (Bà).....
*Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):*
Ông (Bà).....
Ông (Bà).....
Ông (Bà).....
***- Thư ký phiên tòa:***Ông (Bà)……[6]

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[7].....tham gia phiên tòa:***

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....[8] tại……[9] xét xử sơ thẩm công khai[10]vụ án hình sự sơ thẩmthụ lý số:…/…/TLST-HS ngày…tháng…năm…theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:…/…/QĐXXST-HS ngày…tháng…năm… đốivới bị cáo (các bị cáo):

[11] .....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại..... Nơi cư trú.....;nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:…….; giới tính:……..; tôn giáo:……..; quốc tịch:…….; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; [12]tiền án.....,tiền sự.....; nhân thân…….; bị bắt, tạm giam ngày[13].....

*- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*[14]

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là[15].....

*- Người bào chữa cho bị cáo*:[16] ..... ...
……..

*- Bị hại*:[17] .....
……..

*- Người đại diện hợp pháp của bị hại*:[18] .....
……..

*- Nguyên đơn dân sự*:[19].....
……..

*- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự*:[20] .....

……..

- *Bị đơn dân sự*:[21] .....

……..

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự*:[22].....

……..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:[23] .....

……..

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:[24] ..... ...

……..

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....)*:[25]……...

……..

- *Người tham gia tố tụng khác*:[26]……

……..

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:[27]

……

.....

……

.....

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:[28]

[1]……

……..

[2]……..

……

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào[29]……

……...

[30] ..... ...

..... ...

[31] ..... ...

……...

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:***

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện N Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán...,đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6)ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tênKiểm sát viênthực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thânghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó

và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họtên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự;nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhâncó liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

***Nơi nhận:***
*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sựvà những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**1. Bùi Văn Thiệu 2. Bùi Văn Tấn Nguyễn Thị Thanh Hoa**